

Số: 121 /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 9 năm 2016

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện chương trình công tác năm 2016; UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách của tỉnh Thanh Hóa nhằm khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2021, với những nội dung như sau:

### **I. Cơ sở pháp lý và sự cần thiết**

#### **1. Cơ sở pháp lý**

- Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;
- Căn cứ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

#### **2. Sự cần thiết ban hành chính sách**

Trong những năm qua tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, công tác xúc tiến đầu tư và thu hút đầu tư được quan tâm chỉ đạo. Các khu công nghiệp, khu kinh tế, các lĩnh vực dịch vụ, du lịch, thương mại có bước phát triển khá đã giải quyết việc làm bình quân hơn 60.000 lao động/năm. Tuy nhiên, giải quyết việc làm cho người lao động nhất là lực lượng lao động trong độ tuổi thanh niên ở khu vực nông thôn và những vùng đô thị hóa đang là vấn đề bức xúc và gặp nhiều khó khăn. Việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã và đang giải quyết việc làm, tạo nguồn vốn hiệu quả cho người lao động; đồng thời góp phần tích cực trong việc tạo điều kiện cho người lao động được tiếp cận và nâng cao trình độ tay nghề, công nghệ sản xuất tiên tiến, tác phong làm việc công nghiệp, ổn định đời sống cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội.

Căn cứ Nghị quyết số 129/2009/NQ-HĐND ngày 15/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Ngày 10/8/2009, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2642/2009/QĐ-UBND về chính sách khuyến khích,

hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực thi hành đến ngày 31/12/2015. Với các chính sách cụ thể:

- Khuyến khích hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với các đối tượng là lao động cư trú dài hạn tại Thanh Hóa (trừ 07 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a). Mức hỗ trợ một lần: 1.000.000 đồng/người.

- Hỗ trợ lãi suất tiền vay cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài gồm các đối tượng là người lao động thuộc hộ nghèo, người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng. Mức hỗ trợ 50% lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đưa lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài đảm bảo việc làm ổn định, mức thu nhập từ 400 Đôla Mỹ/tháng trở lên, tỷ lệ rủi ro dưới 4%. Mức hỗ trợ những doanh nghiệp trong 01 năm đưa được từ 200 đến dưới 400 lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ số tiền bằng 200.000 đồng/lao động và đưa được từ 400 lao động trở lên đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ số tiền bằng 250.000 đồng/lao động.

Trong giai đoạn 2010 - 2015 đã áp dụng và triển khai các chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động, các doanh nghiệp xuất khẩu lao động với tổng số tiền 15.783,5 triệu đồng, gồm:

- Hỗ trợ cho 13.717 người lao động, với số tiền là 15.509 triệu đồng, trong đó;

+ *Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho 13.717 người lao động với số tiền tương ứng là 13.717 triệu đồng (1.000.000 đồng/lao động)*

*(năm 2010 là 1.277 triệu đồng, năm 2011 là 2.139 triệu đồng, năm 2012 là 1.651 triệu đồng, năm 2013 là 1.902 triệu đồng, năm 2014 là 3.244 triệu đồng, năm 2015 là 3.504 triệu đồng);*

+ *Hỗ trợ lãi xuất tiền vay cho 676 người lao động với số tiền là 1.792 triệu đồng (năm 2010 là 182 triệu đồng, năm 2011 là 645 triệu đồng, năm 2012 là 568 triệu đồng, năm 2013 là 214 triệu đồng, năm 2014 là 63 triệu đồng, năm 2015 là 120 triệu đồng);*

- Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu lao động là 274,5 triệu đồng.

Kết quả của chính sách giai đoạn 2010 - 2015 đã góp phần quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của tỉnh đạt 55.790 người, đưa Thanh Hóa thành tỉnh có số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài cao so với cả nước. Do vậy, để tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài thì việc ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2021 là cần thiết.

## **II. Quy trình xây dựng chính sách và các nội dung điều chỉnh bổ sung so với giai đoạn 2010 - 2015**

### **1. Quy trình xây dựng chính sách**

- Thực hiện chương trình công tác năm 2016, trên cơ sở đánh giá, tổng kết các chế độ, cơ chế chính sách của tỉnh đã ban hành đang còn hiệu lực thi hành đến năm 2015; sửa đổi bổ sung hoặc xây dựng mới chế độ, cơ chế chính sách giai đoạn 2016 - 2020. UBND tỉnh đã giao Sở Lao động - Thương binh và Xã

hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo chính sách khuyến khích hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.

- Trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan đánh giá và xây dựng dự thảo cơ chế chính sách nhằm khuyến khích công tác hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Dự thảo văn bản đã được Sở Tư pháp thẩm định và UBND tỉnh thông qua tại phiên họp Thường kỳ tháng 6/2016 theo quy định. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua tại phiên họp Thường kỳ tháng 8/2016 (Kết luận số 41-KL/TU ngày 29/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

## **2. Các nội dung điều chỉnh, bổ sung so với giai đoạn 2010-2015**

### **a. Khuyến khích hỗ trợ cho người lao động.**

- Đối tượng: Người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bổ sung đối tượng được hỗ trợ: là lao động thuộc 07 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.

Lý do bổ sung: Tại thời điểm ban hành chính sách theo Quyết định số 2642/2009/QĐ-UBND ngày 10/8/2009, thì các huyện nghèo được hưởng chính sách theo Quyết định 71/2009/QĐ - TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020, gồm đối tượng lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số được hỗ trợ: học phí học nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở, tiền trang cấp, hộ chiếu, visa, khám sức khỏe... Đối tượng khác thuộc huyện nghèo (hộ cận nghèo, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp và thân nhân gia đình chính sách...) chỉ được hỗ trợ 50% học phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết. Bên cạnh đó theo quy định tại Nghị định 61/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm từ quỹ quốc gia về việc làm, thì lao động thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, hộ bị thu hồi đất nông nghiệp và thân nhân gia đình chính sách tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (không phân biệt huyện nghèo hay huyện không nghèo) thì đều được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Do đó, việc bổ sung người lao động thuộc 07 huyện nghèo được hưởng chính sách khuyến khích hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng này của tỉnh cùng với Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020 theo Quyết định 71/2009/QĐ - TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Nhằm động viên khuyến khích người lao động ở huyện nghèo tích cực tham gia xuất khẩu lao động như người lao động của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh là phù hợp với thực tế và định hướng đẩy mạnh các hoạt động

khuyến khích hỗ trợ lao động miền núi tạo việc làm, tăng thu nhập và thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Mức hỗ trợ: Điều chỉnh tăng từ 1.000.000 đồng (theo Quyết định số 2642/2009/QĐ-UBND ngày 10/8/2009) lên 3.000.000 đồng/người.

Lý do điều chỉnh tăng: Thực tế việc hỗ trợ người lao động mức 1.000.000 đồng/người trong giai đoạn 2010 - 2015 là phù hợp. Tuy nhiên, thời điểm hiện nay do trượt giá, mức hỗ trợ này không còn phù hợp so với các khoản thực chi trước khi người lao động xuất cảnh như: chi phí đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, kinh phí đi lại, chi phí làm thủ tục hộ chiếu, visa, khám sức khỏe... Do đó, việc đề nghị nâng mức hỗ trợ từ 1.000.000 đồng lên 3.000.000 đồng nhằm đỡ phần nào chi phí ban đầu và phù hợp với kiến nghị của người lao động qua các đợt tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

b. Hỗ trợ lãi xuất tiền vay

- Bổ sung đối tượng: Hộ mới thoát nghèo (trong vòng 24 tháng, tính từ ngày thoát nghèo); Hộ cận nghèo và hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; Người dân tộc thiểu số (trước đây chỉ áp dụng đối với đối tượng là: Người lao động thuộc hộ nghèo; Người lao động là thân nhân của người có công với Cách mạng).

Lý do bổ sung đối tượng: Mở rộng đối tượng hỗ trợ nhằm tránh tư tưởng không muốn thoát nghèo, đồng thời để phù hợp với các đối tượng thụ hưởng chính sách quy định tại: Quyết định 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo; Quyết định 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo; Quyết định 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất nông nghiệp; Điều 11, Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 9/7/2015 của Chính phủ.

- Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ 100% lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội (theo Quyết định số 2642/2009/QĐ-UBND ngày 10/8/2009, mức hỗ trợ 50%).

c. Hỗ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu lao động

- Bổ sung đối tượng: các tổ chức, đơn vị sự nghiệp có chức năng (trước đây chỉ áp dụng đối với các doanh nghiệp).

Lý do bổ sung: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006 "Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng". Do đó, việc bổ sung các tổ chức, đơn vị sự nghiệp có chức năng là đúng theo quy định của pháp luật.

- Mức hỗ trợ: không thay đổi so với Quyết định số 2642/2009/QĐ-UBND ngày 10/8/2009, cụ thể:

+ Doanh nghiệp (hoặc tổ chức, đơn vị sự nghiệp có chức năng) trong 01 năm đưa được từ 200 đến dưới 400 lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ số tiền bằng 200.000 đồng/lao động (tính trên tổng số lao động xuất cảnh trong năm);

+ Doanh nghiệp (hoặc tổ chức, đơn vị sự nghiệp có chức năng) trong 01 năm đưa được từ 400 lao động trở lên đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ số tiền bằng 250.000 đồng/lao động (tính trên tổng số lao động xuất cảnh trong năm);

### 3. Về kinh phí thực hiện chính sách

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2016 - 2021 khoảng 85 tỷ đồng, bình quân khoảng 14 tỷ đồng/năm. (Giai đoạn 2010 - 2015 thực hiện là 15,783 tỷ đồng).

Lý do dự kiến tăng:

a) Hỗ trợ cho người lao động:

Theo Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 đưa được 50.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bình quân mỗi năm: 10.000 lao động. Tạm tính 40% lao động được hưởng chính sách hỗ trợ, tương đương với 12 tỷ đồng mỗi năm (4.000 người x 3.000.000/người), bằng 72 tỷ đồng cho cả giai đoạn 2016 - 2021.

b) Hỗ trợ lãi suất tiền vay: Bình quân mỗi năm khoảng 1,5 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2021 khoảng 9 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp: 4 tỷ đồng giai đoạn 2016 - 2021, dự kiến mỗi năm khoảng 0,66 tỷ đồng.

*(Có dự thảo chính sách kèm theo)*

### III. Tổ chức thực hiện

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, UBND tỉnh sẽ ban hành quyết định giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Sở Tài chính, Ngân hàng Chính sách Xã hội và các đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành của pháp luật.

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

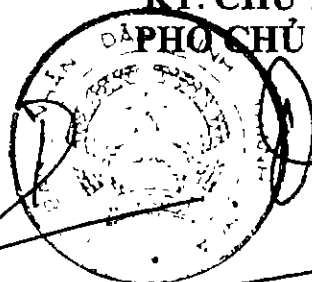
#### Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr. Tỉnh uỷ (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban: KTNS, VHXX HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.<sub>huy</sub>VLATLĐ33

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Số: /2016/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2016

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động  
đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /KTNS-HĐND ngày tháng năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành với Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2021 với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Nội dung khuyến khích, hỗ trợ**

**1.1. Khuyến khích hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2021**

a) Đối tượng: Người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Mức khuyến khích, hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 3.000.000 đồng/người.

c) Cơ chế tài chính: Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

Hàng năm, trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch xuất khẩu lao động được UBND tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố; UBND các huyện, thị xã, thành phố lập dự toán kinh phí khuyến khích hỗ trợ người lao động, gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu trình UBND tỉnh. Sau khi có Quyết định phê duyệt kinh phí của

Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thị-xã, thành phố và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

d) Cơ chế thực hiện: Căn cứ vào hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài do doanh nghiệp xuất khẩu lao động, đơn vị sự nghiệp hoặc chủ sử dụng lao động ký với người lao động; thông báo xuất cảnh hoặc giấy chứng nhận tham gia quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước (bản gốc hoặc sao công chứng); UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định và chi trả trực tiếp cho người được ủy quyền hợp pháp của người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

### **1.2. Hỗ trợ lãi suất tiền vay**

a) Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 24 tháng, tính từ ngày thoát nghèo), hộ cận nghèo và hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; người lao động là thân nhân của người có công với Cách mạng, người dân tộc thiểu số vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Chính sách Xã hội áp dụng cho đối tượng chính sách vay đi xuất khẩu lao động.

c) Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất: Tính từ thời điểm vay nhưng tối đa không quá 24 tháng.

d) Cơ chế tài chính: Ngân sách tỉnh bố trí trong nguồn vốn vay địa phương hàng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội

Hàng năm, Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào đối tượng được hỗ trợ có vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện việc hỗ trợ lãi suất cho người lao động và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

đ) Cơ chế thực hiện: Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào các quy định của Nhà nước và tỉnh về mức trần cho vay, lãi suất cho vay; xác nhận của doanh nghiệp xuất khẩu lao động về số tiền người lao động phải đóng góp khi đi làm việc ở nước ngoài, thời gian của hợp đồng lao động và đơn đề nghị vay vốn của người lao động để quyết định số tiền cho vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay; trên cơ sở đó xác định được số lãi tiền vay được hỗ trợ cho người lao động để giảm trừ theo kỳ thu lãi.

### **1.3. Hỗ trợ cho doanh nghiệp xuất khẩu lao động**

a) Đối tượng: Các doanh nghiệp, các tổ chức đơn vị sự nghiệp có chức năng đưa lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài đảm bảo việc làm ổn định, có thời gian làm việc đủ 12 tháng trở lên; mức thu nhập của người lao động (ghi trên hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký với người lao động) từ 400 USD/tháng trở lên; tỷ lệ lao động gặp rủi ro trên tổng số lao động do doanh nghiệp đưa đi làm việc ở nước ngoài dưới 4%; thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

b) Mức hỗ trợ:

- Doanh nghiệp (hoặc tổ chức, đơn vị sự nghiệp có chức năng) trong 01 năm đưa được từ 200 đến dưới 400 lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ số tiền bằng 200.000 đồng/lao động (tính trên tổng số lao động xuất cảnh trong năm);

- Doanh nghiệp (hoặc tổ chức, đơn vị sự nghiệp có chức năng) trong 01 năm đưa được từ 400 lao động trở lên đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ số tiền bằng 250.000 đồng/lao động (tính trên tổng số lao động xuất cảnh trong năm);

c) Cơ chế tài chính: Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán chi hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hàng năm, trên cơ sở chỉ tiêu xuất khẩu lao động của tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo XKLD tỉnh) theo dõi, quản lý các doanh nghiệp trực tiếp tuyển chọn và đưa lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài, dự kiến số doanh nghiệp đủ điều kiện và dự toán kinh phí hỗ trợ, gửi Sở Tài chính tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán; giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chi trả và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành. Việc chi trả tiền hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện sau khi người lao động đã xuất cảnh được 01 năm.

d) Cơ chế thực hiện: Cuối năm, căn cứ hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp xuất khẩu lao động gửi về Sở Lao động - TBXH; Sở Lao động - TBXH phối hợp với Sở Tài chính thẩm định những doanh nghiệp có đủ điều kiện được hỗ trợ, trình Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định và trực tiếp chi trả cho doanh nghiệp thụ hưởng.

## **2. Thời gian thực hiện**

Từ ngày chính sách này có hiệu lực thi hành đến ngày 31/12/2021.

## **3. Nguồn kinh phí**

Kinh phí thực hiện chính sách được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm.

**Điều 2.** Giao UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, ban hành quyết định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh, khoá ....., kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Văn phòng QH, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ (đề b/c);
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp (đề b/c);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT,....

**Trịnh Văn Chiến**